

THEO CHÂN PHÁI ĐOÀN LIÊN TÔN CẦU SIÊU CHO NHỮNG VONG LINH TRÊN BIỂN ĐÔNG & VỊNH THÁI LAN

Người Long Hồ



I

Tôi viết bài này để vừa kể lại một chuyến theo chân phái đoàn LIÊN TÔN đến các xứ Singapore, Mã Lai Á, và Nam Dương (Indonesia) mà cũng vừa để tưởng niệm và cầu siêu cho vong linh những người đã chết trong khi vượt biển. Thấm thoát mà đã gần 30 năm từ sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975 đến tháng 3 năm 2005. Một số không nhỏ cư dân cả 3 miền Nam, Trung và Bắc đã bỏ nước ra đi và một số cũng không nhỏ đã bị cuốn vào dòng nước xoáy của biển Đông và vịnh

Thái Lan, hay vào một xó rừng nào đó giữa biên giới Thái-Miên. Rất nhiều gia đình Việt Nam chúng ta đã không được suông sẻ nên phải lênh đênh trôi dạt trên biển Đông và vịnh Thái Lan trong nhiều ngày trước khi chìm ngấm và phải vĩnh viễn nằm lại dưới lòng biển sâu. Trong suốt hơn 30 năm này, hàng triệu người Việt Nam đã phải lênh đênh trên biển, lắm khi trôi dạt không định hướng. Trong những ngày khôn khó đó, đồng bào Việt Nam thân thương của chúng ta đã phải đối đầu với mưa gió bão bùng, đói rét, với nạn hải tặc chực chờ, cùng với biết bao nhiêu khó khăn khác trong suốt cuộc hành trình trong các vùng biển Đông và vịnh Thái Lan. Tính từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 cho đến ngày các trại tỵ nạn vùng Đông Á đóng cửa vào năm 1996, theo thống kê của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc, trong thời gian 21 năm, đã có trên 850.000 người vượt biển đến được bến bờ tự do, thì cũng có gần ấy người, tức là cũng vào khoảng 850.000 người kém may mắn khác đã bỏ mình một cách oan uổng trên biển Đông và vịnh Thái Lan.

Đã nhiều năm nay, sau khi nghe Hoà Thượng Thích Giác Nhiên, Pháp Chủ của Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Thế Giới nói về ước mơ và Hoài vọng của Thầy về một cuộc hành trình trở về vùng biển Đông và vịnh Thái Lan nhằm cầu siêu cho những nạn nhân đã Vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển hay trôi dạt vào một nơi nào đó trên bờ biển các xứ trong vùng biển Đông và vịnh Thái Lan. Một lần trong khoá lễ hằng tuần vào ngày Chủ Nhật, thầy đã tâm sự: Chúng ta có được an vui, hạnh phúc và an cư lạc nghiệp hôm nay, không thể nào quên được những người đã bỏ mình trên đường vượt biển, chúng ta nên để lòng thương tưởng đến biết bao nhiêu người đã nằm xuống, hoặc bỏ xác phơi thây trong rừng sâu núi thẳm, hoặc chìm sâu trong lòng biển, hoặc đi vào bụng cá mập, hoặc chết thảm dưới bàn tay hải tặc Thái Lan... Chính vì thế mà gần 30 năm qua, tôi ước mơ thao thức cố gắng làm thế nào tổ chức cho bằng được một chuyến hành hương về vùng biển Đông và vịnh Thái Lan để cầu kinh cứu độ cho các vong linh thác oan trên đường vượt biên. Tôi mơ ước được đêm ngày trên tàu luân phiên tụng niệm. Tôi thiết tha cũng thỉnh quý ngài lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, Phật giáo, Thiên Chúa, Tin Lành, Cao Đài, Hoà Hảo... cùng quý đồng hương có người thân hoặc chết, hoặc mất tích trên đường vượt biển, hãy tháp Tụng với chúng tôi đến ngay những vùng biển ấy để chúng ta cùng nhau cầu nguyện cho những oan hồn uổng tử sớm được nhẹ nhàng siêu thoát.

Thương bao kẻ đã hy sinh nằm xuống
 Để bao người được hạnh phúc tự do
 Để bao người được áo ấm cơm no
 Bao sự nghiệp được thành danh nên phận.
 Người chết thảm, biển, núi, rừng lặn độn
 Bao oan hồn còn vương vấn đâu đây
 Lòng từ bi bác ái ngập tràn đây
 Đâu bao nữ diêm nhiên ngồi tọa thị.

Xin kêu gọi bao tâm hồn yêu quý
 Thương xót người như thương xót lấy mình
 Không thể nào bịt tai mắt làm thính
 Hãy góp công góp sức hay lời nói.
 Là phương tiện ước ao lòng mong mỏi
 Thuê chiếc thuyền đi cứu vớt vong linh
 Bị chết oan, uất hận đáng thương tình
 Hằng mơ ước được nghe kinh siêu độ.
 Chư tôn Đức cầu nguyện cho giải khổ
 Bao linh hồn về đến cõi tiêu điều
 Hầu đáp đền ân nghĩa trọng thật nhiều
 Kẻ nằm xuống không bao giờ quên được.

Chính vì mơ ước ấy mà Hoà Thượng Giác Nhiên (Mỹ), Hoà Thượng Thích Quảng Ba (Úc) và Linh Mục Quảng (Mỹ) đã cố gắng hết sức mình, đứng ra tổ chức một chuyến đi về vùng Đông Nam Á nhằm cầu siêu độ thoát các vong hồn uổng tử. Chuyến đi 10 ngày, từ ngày 15 tháng 3 đến ngày 25 tháng 3 năm 2005. Ngoài các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, còn có khoảng 150 cựu thuyền nhân và đại diện các cơ quan truyền thông báo chí khắp nơi trên thế giới, từ đài BBC Luân Đôn, đài SBS Melbourne và Sydney ở Úc, đài Á Châu Tự Do, đài Little Saigon Radio, và Little Saigon TV, phóng viên của tuần báo Viet Tide ở Nam California. Ngoài ra, trong khi cuộc vớt vong đang tiến hành thì hằng ngày các đài phát thanh và phát hình địa phương tại Terengganu (Mã Lai Á), và Batam (Indonesia) đều cho phát thanh và phát hình những tin tức về diễn tiến chuyến đi. Các báo địa phương tại Terengganu và Batam bằng Anh ngữ và Hoa ngữ cũng thường xuyên đăng tải tin tức từng ngày của chuyến đi.

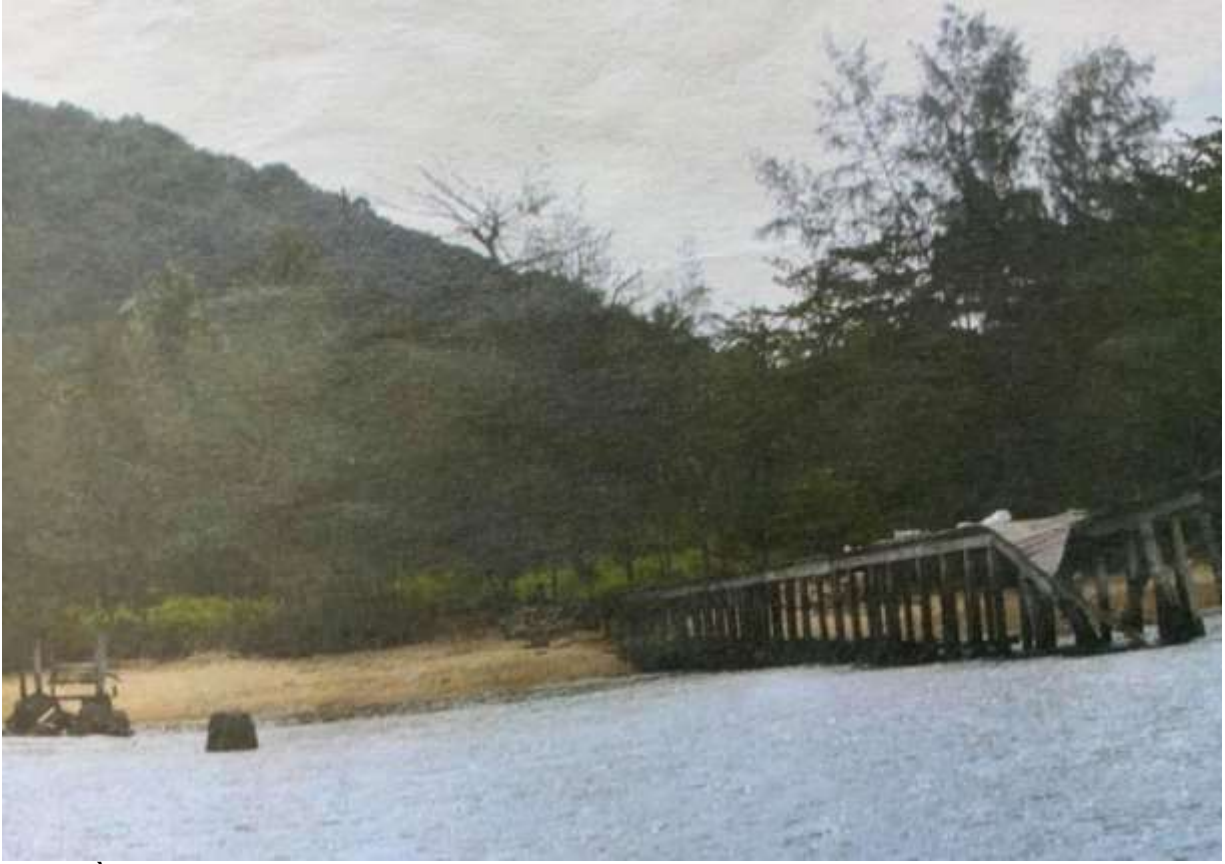
Riêng phái đoàn từ Mỹ chúng tôi do Hoà Thượng Thích Giác Nhiên hướng dẫn, khởi hành từ Los Angeles vào lúc 23:00 giờ ngày 15 tháng 3 năm 2005. Sau cuộc hành trình dài, phi cơ chúng tôi bay qua các vùng Anchorage (Alaska), Taipei (Taiwan), Hongkong (China), chúng tôi đến Singapore vào lúc 21:00 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2005. Ngày 18 tháng 3, chúng tôi nghỉ ngơi và thăm viếng một số chùa chiền ở Singapore như chùa Liên Sơn Sòng Lâm Tự và Quan Âm Tự. Hùng sáng ngày 19 tháng 3, chúng tôi khởi hành đi Terengganu (Mã Lai) bằng xe buýt. Chúng tôi cố tình di chuyển bằng xe buýt để có thể đi ngang các vùng bờ biển mà những thuyền vượt biển đã từng ghé lại hay những trại tỵ nạn tiên khởi trong đất liền của Mã Lai để đoàn có thể cầu nguyện ngay trên xe buýt. Sau khi rời Singapore, chúng tôi đi lần qua Kuantan, nơi đã từng có một trại tỵ nạn trong đất liền. Sau đó chúng tôi đi ngang qua Cherating, một trong những trại tỵ nạn lớn nhất trong đất liền của Mã Lai, nói là trại tỵ nạn, chứ kỳ thật, theo người hướng dẫn cho chúng tôi biết, đây chỉ là những lều vải tạm bợ độ Cao Uỷ Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc cấp phát cho thuyền nhân, nhưng khác hơn các khu khác là tại đây mỗi tháng đều

có phái đoàn các quốc gia nhận định cư tới phỏng vấn, và có Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế giám sát và bảo trợ thực phẩm cũng như thuốc men. Sau đó, chúng tôi đi ngang qua trại Cây Dương, gần Cherating, nằm sát bờ biển, nay đã hoang tàn, không còn để lại một dấu vết nào, nếu người hướng dẫn không nói về lịch sử của khu ấy, chúng tôi chắc không thể nào đoán được giữa khu rừng rậm ấy một thời đã là nơi tạm trú cho những người tỵ nạn chúng ta. Nghe nói ngày trước rừng dương này là nơi tập trung tạm thời của khoảng 5.000 đồng bào tỵ nạn Việt Nam vì lúc ấy trại Cherating không đủ sức chứa. Nói là trại tỵ nạn chứ kỳ thật rừng dương chỉ là những căn nhà chòi cất bằng lá rất sơ sài, được bao bọc bởi lớp hàng rào kẽm gai. Nơi đây không có Cao Ủy Liên Hiệp Quốc tới, không có ai tiếp tế thức ăn và nước uống nên những người bị đưa đến đây phải tự túc về mọi mặt. Những người có tiền hay vàng mang theo được còn đỡ khổ chứ những người không tiền, không bạc, không thân nhân mà bị đưa đến khu rừng dương quả là một cực hình. Người hướng dẫn cho biết vào thời điểm cao nhất, khu rừng dương này có khoảng 5.000 người và người ta rất sợ nạn dịch sẽ xảy ra do bởi điều kiện thiếu vệ sinh, nên khối Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc bên Cherating luôn tìm cách tìm cách đưa người tỵ nạn về trại lớn này. Lúc ấy ai có dịp ghé lại rừng dương sẽ thấy sinh hoạt của người tỵ nạn tại đây giống như một làng miền Thượng, người dân tại đây cố tìm cách trồng các loại rau xanh hoặc một ít cây ăn trái ngắn hạn như các loại cà tô mát, khoai lang, khoai mì... Thường thì người địa phương tại đây mỗi ngày mang đến thức ăn để đổi lấy vàng hay đô la Mỹ.

II

Sau đó đoàn xe chúng tôi đi ngang qua Dungun, nơi mà con thuyền của chúng tôi đã tập vô hồi tháng 3 năm 1984 và được lính Task Force Mã Lai đến bốc về Marang. Trong suốt đoạn đường dài từ Singapore đến Marang (Terengganu) chú tôi kể cho chúng tôi nghe những mẩu chuyện đạo, và anh em trong đoàn cũng chia sẻ với nhau qua rất nhiều đề tài, từ đất nước và con người Việt Nam giống nhau như thế nào trên 3 miền đất nước... đến những câu chuyện vượt biên thương tâm, tàu PB 988 (???) đến Bi Đông cuối năm 1983, lúc rời Việt Nam, trên tàu có trên 200 người, nhưng sau 22 ngày lênh đênh trên biển, không còn nước uống, không còn thực phẩm, trẻ em và phụ nữ kiệt sức và chết dần, đàn ông và con trai trên tàu tuy có đỡ hơn, nhưng vì tàu chết máy, sóng biển cứ từng cơn từng cơn vỗ ầm ầm vào thân tàu như những tiếng ma quái đe dọa, không những tiếng sóng ma quái ấy đe dọa mà chúng còn phá vỡ một bên mạn tàu khiến cho nước biển bị tràn vào trong tàu, và nhóm đàn ông con trai còn sức phải ngày đêm thấy phiên nhau tát nước cho con tàu đừng chìm. Sau bao ngày đói khát trên biển, rồi nắng, rồi gió

biển lột cháy da người, nên khi đến Bi Đông chỉ còn lại vài chục người. Những người trên tàu kể lại, lúc đầu thì trên tàu ai cũng cầu nguyện, người Công giáo thì cầu kinh, còn người theo Phật giáo thì hoặc đọc chú Đại Bi, hoặc đọc thần chú Quán Âm, hoặc cầu siêu cho các oan hồn uổng tử xin họ phù trợ, nhưng những ngày sau đó ai cũng là người nên tiếng cầu nguyện chỉ còn lâm râm, rồi nhỏ dần và nhỏ dần. Tàu MB 035 đến Bi Đông vào đầu năm 1984, lúc khởi hành, tàu có trên 150 người, nhưng sau 55 ngày lênh đênh trên biển, đói khát cộng với những nghiệt ngã của nắng và gió biển, nên lúc đến Bi Đông chỉ còn có vài người. Những người sống sót trên tàu đã kể lại, chỉ sau một ngày ra khỏi hải phận Việt Nam là họ gặp ngay bọn hải tặc Thái Lan, ba bốn tên mặt rằn mặt ri, hông đeo súng, Tây cầm những thanh mã tấu sáng loáng, chúng xuống khoang tàu lục soát khắp nơi để kiếm vàng, rồi chúng cưỡng hiếp phụ nữ và giết chết bất cứ người nào chống đối lại chúng. Có những người chồng người cha không chịu nổi cảnh vợ con bị chúng cưỡng hiếp nên chống lại chúng để rồi cuối cùng bị chúng tàn sát một cách dã man. Có người không chết, nhưng suốt phần đời còn lại phải điên loạn vì những ám ảnh không rời khiến họ trở nên vô hồn, khi tỉnh khi mê, khi nhớ khi không, khi cười khi khóc. Có những đứa bé sau khi chứng kiến cảnh người ăn thịt người, đã thì thào trong hơi thở lên với cha: Bố ơi... con có chết bố đừng ăn thịt con nghe bố. Có những con tàu lênh đênh trên biển, những xác chết không còn được thủy táng, mà được dùng để cứu những người còn sống sót, ôi tàn nhẫn nhưng thương tâm làm sao! Tuy nhiên, cũng có những con tàu dù cũng lênh đênh trên biển trên 40 ngày, dù không còn một tí nước uống và lương thực gì cả nhưng họ vẫn cương quyết từ chối hành động dã man là sử dụng thịt người làm thực phẩm. Có con tàu sau khi lênh đênh trên biển nhiều ngày, không còn nước uống, không còn thực phẩm, ai nấy đều bị những cơn đói khát hành hạ khốc liệt, nên khi hải tặc đến cướp, một phụ nữ đã nhảy sang tàu hải tặc chấp nhận tất cả mọi sự dày vò của chúng chỉ với điều kiện là chúng cho thực phẩm, nước uống và chỉ đường cho những người còn lại đi vào đất liền, thật là một sự hy sinh vô cùng cao cả của một người phụ nữ Việt Nam! Có con tàu khi đi là 53 người, nhưng khi được vớt lên Bi Đông chỉ còn có một người duy nhất, đó là chiếc tàu khởi hành từ Rạch Giá ngày 13 tháng 7 năm 1981 và người duy nhất sống sót là ông Nguyễn Cảnh Vỹ, người đã nắm được một tấm ván sau khi tàu bị chìm trong hải phận Mã Lai, để rồi từ đó đến về sau này, ông Vỹ chỉ sống như một cái xác không hồn bên lề xã hội của nơi ông đến định cư. Ôi thảm nạn của những cuộc hành trình vượt biển là vô tiền khoáng hậu!



Cầu Jetty cũ vào tháng 3 năm 2005 chỉ còn trơ lại 4 cây trụ phía bên trái. Phía bên phải là chiếc cầu cây mới được chính phủ Mã Lai dựng lại sau này.

III

Những chiếc ghe mong manh, vượt sông lớn chưa chắc đã xong hướng là vượt biển! Ôi khôn khổ biết bao cho những thuyền nhân Việt Nam, phải vượt qua giông tố bão bùng, phải kinh qua những khủng khiếp của nạn hải tặc, và biết bao nhiêu nỗi nhục nhằn khác của kiếp nhân sinh, phải vượt qua nỗi chết để tìm lấy cái sống thật là mong manh. Có những con tàu bị cướp biển hành hạ đến mấy chục lần và thời gian các thiếu nữ Việt Nam đến đảo với những bào thai oan nghiệt và những đứa bé oan nghiệt đã được sanh ra, nhưng những người phụ nữ nhân hậu Việt Nam vẫn sẵn sàng dang rộng vòng tay thương yêu và chăm sóc cho những đứa con oan nghiệt ấy, đây không chỉ là nỗi niềm đau xót cho những phụ nữ đáng thương ấy, mà là niềm đau xót chung cho cả dân tộc Việt Nam. Năm 1982, có con tàu khi được vớt vào đảo Bi Đông, không còn một người lớn nào còn sống sót, mà chỉ có mười mấy đứa con nít và mấy trăm xác chết nằm ngổn ngang dưới khoang thuyền. có tàu chỉ còn một bà cụ và mười mấy đứa trẻ sống sót, mà tàu lại lênh đênh trên biển, không thực phẩm, không nước uống, khi vào Bi Đông, được Cao Ủy Ty Nạn

Liên Hiệp Quốc phỏng vấn, bà cụ nói lúc đó bà chỉ biết ôm chặt những đứa bé vào lòng và chỉ cầu mong cho sóng gió nổi lên, cho mưa thật to lên để mọi người cùng được đoàn tụ với bên kia thế giới, vì bà không muốn thấy những đứa trẻ thơ ngây vô tội này tiếp tục bị những cơn đói khát hành hạ dày vò nữa. Có những con tàu, sau khi được vớt lên đảo, ai nấy cũng đều bị ảo giác khi nghe tiếng sóng nước thì họ lại cho rằng đó là tiếng nỉ non, những âm thanh mã quái, những lời than vãn của những hồn ma một thời đã cùng họ khởi hành đi tìm đường sống. Có những con tàu sau khi cướp bóc tã tơi, bọn hải tặc đã đâm thẳng tàu của chúng vào con tàu nhỏ bé của thuyền nhân cho nước biển tràn vào, để con tàu chìm giữa đại dương, hòng phi tang những hành động mất rợ của chúng. Trời hỡi! Bọn hải tặc trên vịnh Thái Lan là bọn hình người óc thú, chúng bắt kẻ già trẻ bé lớn... Có những con tàu không bị cướp biển, nhưng số người đi theo quá tải và điều kiện trên tàu quá tồi tệ nên chỉ mới ra khơi có một ngày là đã có gần 50 người chết và số khác đang thoi thóp, đến khi những xác chết đã được thủy táng thì số người còn lại trên tàu mới được dễ thở hơn vì tàu bắt đầu rộng và thoáng hơn. Có những con tàu lúc ra đi gần 400 người, nhưng khi được lính Hải quân Mã Lai vớt lên chỉ còn có mười mấy người sống sót, còn trên 300 người khác lúc ra đi họ nào hay biết đây là cuộc hành trình chót trong đời của họ... Có những bà mẹ, không thể nhìn con phải chết dần trong đói khát nên đã tự cắn vú mình cho máu chảy ra rồi cho con bú để rồi cuối cùng tự mình phải nhận lấy cái chết, có phải đây chính là những cái chết anh dũng kiêu hùng của những bà mẹ Việt Nam? Vâng, đây chính là một vị anh hùng đã nằm xuống vì sự sinh tồn của dân hậu duệ, đây chính là sự hy sinh cao cả, không kém chi những chiến sĩ hy sinh nơi chiến trường để bảo vệ lý tưởng tự do. Và còn nhiều câu chuyện thương tâm khác, nội dung là những thử thách đương đầu với biển khơi và hải tặc... nhưng dầu có nguy hiểm đến thế nào đi nữa thì người ta vẫn cứ chất chồng lên nhau trên những con thuyền ván mong manh, người ta vẫn đem sinh mạng của chính mình mà thách đố với mây rủi, người ta vẫn không ngần ngại gửi gắm sinh mạng mình cho biển khơi, vẫn tiếp tục đi vào cõi chết để tìm sự sống đúng nghĩa của nó. Có biết bao con thuyền khi được vớt đến Bi Đông chỉ đầy ắp những xác người, vì những người còn lại không còn hơi sức đâu nữa để mà thủy táng những người xấu số. Thế mới biết dù có gian nan nguy hiểm thế mấy, người ta vẫn ra đi để rồi “Một là con nuôi má, hai là con nuôi cá, ba là má thủy táng con...” Có rất nhiều người hoàn toàn thay đổi cho dù họ có đến được bến bờ tự do sau cuộc Hải hành mà biển đã cướp mất đi của họ người ông, người cha, người mẹ, người anh, người chị và người em. Vẫn chưa hết, trên một góc đảo Bi Đông nhỏ bé lại phải dung chứa hàng năm sáu chục ngàn con người trong những năm cao điểm từ năm 1980 đến năm 1985, họ sống chen chúc trong những căn nhà thiếu tiện nghi, thiếu vệ sinh với những điều kiện vô cùng thiếu thốn và cây nghiệt, bụi mù, nắng cháy, mùi nước tiểu và phân người nồng nực, ruồi nhặng bay vù vù kín cả một góc trời, cộng với đủ thứ mùi hôi thối khác trong con nắng gắt của vùng xích

đạo, lại thêm những con chuột to bằng cườm chân trẻ con, trụi lông, thân hình đỏ lôm và lở lói khắp nơi với hai cục hạch hai bên mép to như hai viên đạn, chúng đi lênh khênh và đi một cách mệt mỏi trên khắp đảo, rồi khi chết, thân của chúng nằm rải rác khắp trên các con suối cạn, nơi các thuyền nhân thường đi lấy nước, đôi khi cố tránh mà vẫn giẫm lên xác chuột, ai thấy cũng phải nôn mửa. hằng ngày người ta phải dùng nhiều cần xé đi thu lượm những xác chuột này, thế mà mầy mẩn thay, nhiệm mầu thay, Bi Đông chưa hề xảy ra một trận dịch!



Hình #1: Chiếc thuyền bằng xi măng được các thuyền nhân dựng lên trên đảo Bi Đông-hình chụp ngày 23 tháng 3 năm 2005



Hình #2: Đài tưởng niệm các thuyền nhân đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển hay trên các hoang đảo đã được các thuyền nhân dựng lên trên đảo Bi Đông-hình chụp ngày 23 tháng 3 năm 2005

IV

Buổi chiều đoàn xe của chúng tôi đến Kuala Terengganu. Khi đoàn xe chúng tôi đi vào Kuala Terengganu, lòng tôi rộn lên một nỗi niềm lâng lâng khó tả, cảm xúc ấy giống như những người dân miền Tây xa quê lâu ngày trở về thăm nhà khi đến phà Mỹ Thuận (nay là cầu Mỹ Thuận). Sau đó đoàn tiếp tục di chuyển về phía Bắc Kuala Terengganu để đến Sutra Beach Resort, thuộc vùng Merang, vào lúc trời vừa nhá nhem tối. Sáng ngày 20 tháng 3, khi bình minh trên biển vừa ló dạng là cả đoàn chúng tôi tập hợp ngay trên bờ biển để cầu nguyện trước khi ra khơi. Buổi lễ cầu nguyện do Hoà Thượng Thích Giác Nhiên làm chủ lễ. Sau đó chúng tôi đáp hai tàu lớn để ra ngoài khơi Pinang Island và Redang Island, đây là 2 hải đảo thật xa ngoài khơi Bi Đông. Chúng tôi ra xa ngoài khơi để cầu siêu cho các oan hồn uổng tử trong vùng vịnh Thái Lan. Nhìn trời xanh biển xanh thật đẹp, nhưng tôi lại rùng mình nhớ lại chính vùng biển này năm xưa hàng triệu đồng bào thân thương của tôi đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển sâu hay trôi dạt vào các bờ biển chạy dọc từ Thái Lan, đến Mã Lai, Singapore và Nam Dương (Indonesia). Trên Hải trình từ bờ ra hải phận quốc tế, các tàu chúng tôi liên tục tụng kinh cầu siêu, càng ra xa bờ, biển càng có màu xanh đen và xanh đen hơn. Lúc này sóng bắt đầu đánh mạnh vào và con tàu ngày càng lắc lư dữ dội hơn. Trên tàu có nhiều người không quen đi biển nên bị nôn mửa và mặt mày tái xanh như tàu chuối, quang cảnh hồi này không khác chi lúc bị say sóng khi chúng tôi vượt biển năm xưa, có người nước mắt chảy ra ràn rụa. Tuy nhiên, tâm lý bây giờ thì khác nhiều, vì chúng tôi biết những con tàu mà chúng tôi muốn để ra khơi hôm nay có khả năng ra xa xa hơn thế này nữa, nên chúng tôi không có tâm trạng hãi hùng. Hơn nữa, chung quanh chúng tôi còn có rất nhiều tàu Mã Lai qua lại trên biển. Sau gần 4 giờ Hải hành, đoàn chúng tôi ra tới hải phận quốc tế. Lúc này, Hoà Thượng trưởng đoàn, cho tàu thả trôi ngoài Hải phận quốc tế để bắt đầu buổi lễ cầu nguyện chính thức ngoài khơi, sau khi cầu kinh và xướng danh những nạn nhân đã bỏ mình trên đường tìm cuộc sống mới tự do. Chúng tôi thả từng cánh hoa xuống biển, người thì đốt giấy có viết tên người quá cố rồi thả xuống biển, rồi hàng ngàn chiếc bóng bóng đủ màu đủ sắc đã được thả lên trên bầu trời giữa biển, chúng tôi tiếp tục cầu nguyện và cầu nguyện. Chúng tôi cố gắng làm hết sức mình những gì có thể làm được cho những người đã bỏ mình trên biển. Quan niệm mê tín hay không mê tín trong lúc này đối với chúng tôi đều vô nghĩa, tất cả những nỗ lực anh em chúng tôi trong những ngày này, từ thô thiển đến vì tế đều là những nghĩa cử cao đẹp toát ra từ đáy lòng của những người sống riêng dành cho những người nằm xuống. Chúng tôi tiếp tục thả lên trời hàng ngàn, hàng ngàn chiếc bóng bóng nữa trên đường trở về đất liền, trong khi tiếng kinh, tiếng mõ, tiếng chuông và tiếng cầu nguyện vẫn tiếp tục vang rền đều đều. Giữa cảnh trời biển bao la ấy, chúng tôi tiếp tục và tiếp tục những nghĩa cử ấy

mà không ai muốn ngừng, những mong cho những oan hồn uổng tử của những người anh em xấu số đã chết một cách tức tưởi được sớm nhẹ nhàng siêu thoát.



Hình #1: Sáng ngày 20 tháng 3 năm 2005, đoàn người xuống tàu chuẩn bị ra khơi để cầu nguyện cho những đồng bào đã bỏ mình trên biển.



Hình #2: Con tàu đưa chúng tôi ra đảo Bi Đông, chụp lúc sắp đến đảo.

V

Đến chiều thì đoàn chúng tôi trở vào đất liền để trở về Sutra Beach Resort. Khi chúng tôi về đến Merang thì trời đã sụp tối hẳn, đêm 20 tháng 3 năm 2005, chúng tôi đoán tiếp đoàn từ Úc và Thụy Điển mới đến Sutra Beach. Chúng tôi không ai biết ai, nhưng hình như có một sợi dây vô hình nào đó thắt chặt tình thân khiến anh em chúng tôi như thân thiết tự thuở nào, như các anh Thiện Tài, Thiện Minh và Quý Hiền từ Canada, anh Thiện Tường từ Kentucky, anh Minh Quang từ miền Bắc Mỹ mới dọn về California, anh Nguyễn Hiền Dũng từ California, anh Thanh Quang từ Washington D.C., anh Trịnh Chính từ Úc Châu, vân vân. Trong khi linh mục Nguyễn Hữu Quảng cùng các tín hữu công giáo đang làm thánh lễ tại hội

trường thì ngoài bờ biển khoảng trên 30 chư Tăng Ni và hàng trăm anh em Phật tử đang làm lễ cầu nguyện dọc theo bờ biển và đốt hoa đăng trong đêm. Tối hôm ấy, trong buổi đốt đèn hoa đăng, với những ánh đèn cây leo lét, với tiếng kinh cầu, với tiếng khánh tiếng mõ như gọi hồn, lại thêm tiếng sóng và gió biển ì ầm như tiếng những oan hồn uổng tử đáp lời cầu siêu của chúng tôi. Đêm ấy đoàn chúng tôi rất đông, cộng với những người Mã Lai Hiếu kỳ đến dự, nhưng sao lúc nào tôi cũng thấy rờn rợn làm sao. Lòng tôi bỗng chùng hẫ xuống khi nghĩ đến thân phận của những người xấu số đã vĩnh viễn nằm lại đâu đó trong vùng biển này. Đó là đêm đầu tiên nước mắt tôi bắt đầu rơi cho những người xấu số, và những giọt nước mắt ấy tiếp tục rơi trong suốt cuộc hành trình còn lại của chúng tôi. Trong bầu không khí hết sức trang nghiêm đó, nhưng tôi vẫn nghe được đâu đó như có tiếng văng vẳng của nhiều người cùng nói lẫn trong tiếng kinh cầu: Oan hồn ơi hỡi oan hồn! Thôi từ đây đừng than khóc từ đáy biển thăm sâu nữa! Hãy lên đây nghe kinh nghe kệ để được tốc vãng mê đồ siêu sanh Tịnh Độ hay về cõi Vĩnh Hằng theo niềm tin của mình. Sau đó thì pháo bông được đốt lên, không phải để vui mà để báo cho những oan hồn uổng tử biết rằng có chúng tôi đây, có những người may mắn hơn các vị, nhưng không bao giờ quên các vị. Sau bao năm vật vã nơi xứ người, chúng tôi đã quay về đây để cầu nguyện cho các vị đây, mong các vị hãy quên đi những nghiệt ngã một thời, những bất hạnh một thời của thân phận con người, mong các vị hãy lắng nghe những lời kinh tiếng kệ cầu siêu của đoàn, hãy lắng nghe lời nhắn nhủ của Hoà Thượng Giác Nhiên và của các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo khác để hương hồn các vị được nhẹ nhàng siêu thoát.

Đời người như một giấc mơ
Trăm năm nào khác cuộc cờ đổi thay
Tuần hoàn máy tạo chuyển xoay
Chết đi sống ở xưa nay lẽ thường.

Oan hồn ơi hỡi oan hồn! Sống khôn thác thiêng, xin hãy nghe cho rõ bài kệ Vô Thường của một đời người, để tùy theo tín ngưỡng mà tìm về cõi Vĩnh Hằng hay cõi Cực Lạc mà các vị đã một thời tin tưởng. Oan hồn ơi hỡi oan hồn! Sống khôn thác thiêng, xin hãy lắng nghe lời của Pháp Sư Giác Nhiên, vì bác ái lòng thương mà ngài muốn đồng thời cầu nguyện với chúng tôi để đem oai lực Đức Chúng Như Hải này mong cùng nhau đưa các vị bước về một nơi Vĩnh Hằng hay Cực Lạc nào đó. Nơi đây, trên những vùng biển, vùng rừng rậm, vùng núi non, nếu các oan hồn có sống khôn thác thiêng, xin hãy nương theo lời cầu lời nguyện thành khẩn của chúng tôi, chỉ với một mục đích duy nhất là:

Đưa người nhẹ bước về nơi Phật đường
Hay về nơi cõi Vĩnh Hằng trên Trời
Cũng vì bác ái lòng thương
Cầu cho người được về nương Bồ Đề
Xa lìa biển khổ tối mê

Tam đồ lục đạo mà về Tây Phương
 Dứt lìa sanh tử vẫn vương
 Ở nơi Phật quốc an Khương đời đời
 Hoặc ở nơi Thiên Quốc yên vui đời đời.

Nếu vì tín ngưỡng lúc sanh tiền, các vị không về nơi Phật quốc, thì xin các vị hãy về bất cứ nơi Vĩnh Hằng nào, hay về với Nước Chúa thật an vui, thật hạnh phúc.



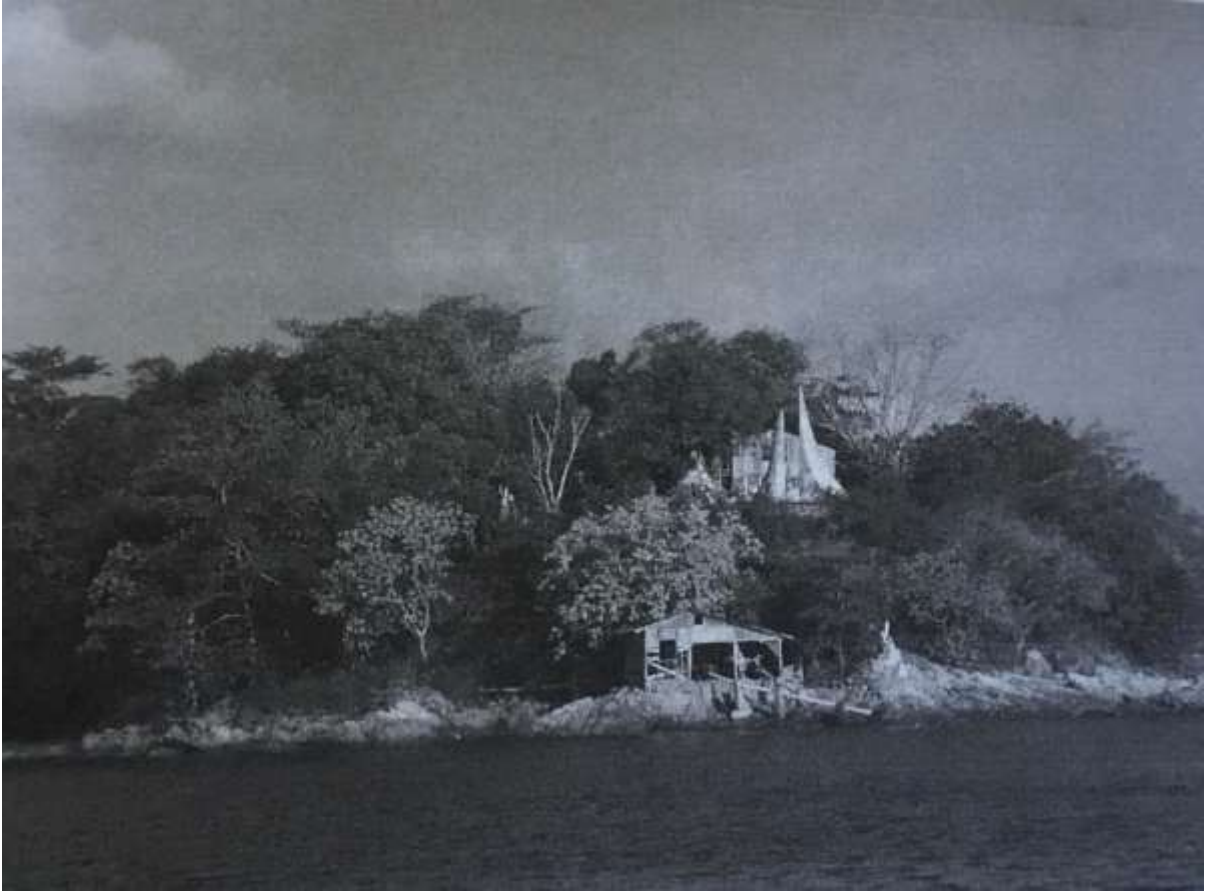
Bia tưởng niệm những thuyền nhân trên tàu MB689 trên đảo Bi Đông (những thuyền nhân này vì kiệt sức mà chết khi họ đã tới gần sát đảo Bi Đông).

VI

Ngày hôm sau là ngày 21 tháng 3 năm 2005, đoàn chúng tôi nhập chung với đoàn với đoàn của linh mục Quảng và Hoà Thượng Thích Quảng Ba ở Úc Châu để cùng nhau ra thăm viếng và cầu nguyện cho những thuyền nhân xấu số ở đảo Bi Đông. Tưởng cũng nên nhắc lại, trước năm 1975, Bi Đông là một hoang đảo, nằm về phía Đông bờ biển Terengganu chừng 30 cây số. Thường thì hoang đảo này chỉ

dùng làm nơi trú bão cho các ghe thuyền đánh cá Mã Lai. Mãi cho đến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, đợt thuyền nhân đầu tiên, và cứ thế mà tổng số thuyền nhân tăng dần, đến năm 1978, chính phủ Mã Lai phải quyết định hợp tác với LHQ biến Bi Đông thành nơi dung chứa thuyền nhân. Cao điểm thuyền nhân tại đây là từ 45.000 đến 60.000 người trong khoảng những năm từ 1980 đến 1985. Tổng số thuyền nhân đã từng được Bi Đông dung chứa khoảng 250.000 người. Trong khoảng thời gian 21 năm mở ra trại Bi Đông, trên đảo này đã có khoảng 5.000 trẻ em được sinh ra. Tháng 11 năm 1990, người thuyền nhân cuối cùng rời Bi Đông và hòn đảo này chính thức đóng cửa. Mãi đến tháng 9 năm 2004, Thủ Hiến Terengganu đến viếng Bi Đông và quyết định thành lập quỹ bảo tồn di tích thuyền nhân ở Bi Đông. Hiện nay chính phủ Mã Lai đang kêu gọi các nước và người Việt hải ngoại giúp vào quỹ để sớm xây dựng và biến Bi Đông thành một nơi du lịch với những di tích lịch sử của thuyền nhân.

Trước khi lên xe buýt, hai đoàn chúng tôi tập hợp ra trước sân khách sạn Sutra Beach Resort để làm lễ cầu nguyện. Thật tình mà nói, mục đích của chuyến đi này đã được Hoà Thượng Giác Nhiên cũng như các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo khác và chúng tôi đã khẳng định từ đầu, chúng tôi về thăm lại Đông Nam Á lần này không phải để đi chơi hay đi vãng cảnh, mà là để cùng nhau cầu siêu cho những oan hồn uổng tử của những người cũng một thời đồng cảnh nhưng lại xấu số hơn chúng tôi. Chính vì thế mà cả đoàn chúng tôi đến từ bên Mỹ, mọi người đều phát nguyện ăn chay trong suốt chuyến đi. Những người xấu số nằm xuống lốt đường cho chúng tôi đi đến bến bờ tự do, mà oan hồn uổng tử hãy còn vất vưởng đâu đó, thì chúng tôi nguyện tự mình thanh tịnh trong suốt chuyến đi hầu góp một phần nhỏ nguyện cầu cho họ được siêu thoát với tâm nguyện trả được phần nào **ÂN NGƯỜI NÀM XUỐNG** cho sự tự do, sự an cư lạc nghiệp, và sự thành công viên mãn của những người may mắn như chúng ta. Chúng tôi không thể đến Bi Đông sớm như dự tính được vì con nước cạn nên tàu của chúng tôi phải chờ đến gần giữa trưa. Chúng tôi phải thành thật cảm ơn những người Mã Lai, thấy chúng tôi sốt ruột chờ nên họ đã tìm cách di chuyển chúng tôi ra cửa biển bằng những chiếc tàu nhỏ để tránh bị mắc cạn. Đây cũng là một sự trùng hợp ngẫu nhiên lạ lùng, vì hai mươi hay hai mươi mấy năm về trước đây, chúng tôi cũng được chuyển từ những **CON CÁ NHỎ** từ những dòng lạch bên trong chạy ra cửa biển để lên **CÁ LỚN**, thì hôm nay trạng huống ấy cũng đang diễn lại tại bến tàu Marang đi Bi Đông.



Đảo Bi Đông nhìn từ dưới tàu & Quảng cảnh tiêu điều trên đảo Bi Đông.



Đảo Bi Đông nhìn từ dưới tàu & Quảng cảnh tiêu điều trên đảo Bi Đông.

VII

Cuối cùng chúng tôi tới Bi Đông vào lúc xế trưa, nhưng cũng chưa xong, vì nước cạn mà tàu lớn, nên chúng tôi lại một lần nữa được chuyển qua CON CÁ NHỎ từng toán từng toán nhỏ để vào bờ. Ôi Bi Đông! Mới hôm nào đây thôi, hãy còn những dãy nhà đầy ấp tình thương, tình thương từ chính phủ và nhân dân Mã Lai, tình thương từ Cao Ủy Ty Nạn LHQ, tình thương từ các quốc gia chấp nhận cho người tỵ nạn định cư... Thế mà hôm nay Bi Đông tiêu điều hoang vắng. Chiếc cầu Jetty ngày trước đưa rước người vào người đi, nay chỉ còn trơ lại bốn trụ đá thấp lè tè dưới mặt nước. Thay vào đó là chiếc cầu ván mới được chính phủ Mã Lai cho bắt lại sau này (theo lời kể của Sister Joan). Con tàu sắt năm nào vẫn còn nằm đây, nhưng đã vỡ tan gần hết, hơn 2/3 thân tàu đã bị cát bồi đắp và những cây hoang dại đã mọc lên khá cao trên phần trước thân tàu. Nước mắt tôi lại tiếp tục tuôn ra mà tôi không có cách chi ngăn lại được. Chính vì vậy mà khi bạn Thanh Quảng, đặc phái viên của đài Á Châu Tự Do, tới phỏng vấn, tôi chỉ biết nghẹn ngào trong cảnh vô thường của vạn hữu và cảnh hoang tàn của một nơi mà mình đã

từng thân thương với nó. Tôi chạnh nghĩ Bi Đông ngày 21 tháng 3 năm 2005, có lẽ không khác gì hoang đảo Bi Đông trước thời gian chưa có một người tỵ nạn nào đặt chân tới vào những năm trước 1975. Quanh đảo chúng tôi chỉ thấy trơ lại những bãi cát trắng xoá và vô số cây rừng hoang dại mọc chồng chéo lên nhau. Nhìn lên đồi bên phải, còn gọi là ĐỒI TÔN GIÁO, chúng tôi còn thấy phế tích của ngôi giáo đường và chùa Từ Bi, còn nhìn thẳng lên đảo và nhìn về bên trái, chúng tôi chỉ thấy toàn rừng là rừng, chứ không còn thấy dấu vết một thời đã qua nữa. Khi đi vào bên trong đảo thì chúng tôi mới nhận ra hãy còn một vài khu Long Houses bị sập ngã, và khu trường tiểu học xiêu vẹo và biến dạng. Khu nhà Hội Trường khang trang ngày trước nay đã đổ nát tan hoang. Khu bệnh viện SICK BAY cũng đã đổ nát gần hết. Vì phải vận chuyển từng toán nhỏ như vậy nên khi vừa lên đảo là mọi người phải dùng cơm trưa trước khi thăm viếng và cầu nguyện. Sau khi ăn trưa, lúc đó cũng đã quá 3 giờ chiều, Phật tử cùng chư Tăng Ni theo Hoà Thượng Giác Nhiên lên chùa Từ Bi cầu nguyện, còn các tín hữu Công giáo thì theo linh mục Anthony Quảng lên nhà thờ làm thánh lễ cầu nguyện theo nghi thức Thiên Chúa. Chúng tôi mất khoảng gần một tiếng đồng hồ dọn dẹp sạch sẽ trước khi các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo bắt đầu làm lễ cầu nguyện. Cả hai ngôi chùa và nhà thờ đều bị thời gian tàn phá. Cổng chùa Từ Bi đã bị sập, bốn bên vách đã mục nát tan hoang, nhưng điều làm chúng tôi ngậm ngùi nhất là cả 3 pho tượng của Đức Bổn Sư, đức Quán Thế Âm và đức Địa Lặc đều bị chặt đứt đầu, các vị Phật và Bồ Tát vì thương xót chúng sanh nên các ngài đã thị hiện nơi cõi Ta Bà, với các ngài thì vô thường là lẽ tất nhiên, nhưng với chúng tôi, những con người phạm tục, nhìn thấy cảnh này thì thử hỏi làm sao mà không chạnh lòng cho được? Thôi thì mất mát đau thương đã nhiều, chư Phật và chư Bồ Tát tất hiểu cho chúng tôi trong hoàn cảnh này, chúng tôi phải hành lễ với những tôn tượng sứt mẻ ấy.



Hình #1: Cảnh hoang tàn đổ nát của chùa Từ Bi, 2008.



Hình #2: Thánh thất Cao Đài đã bị sụp một bên, 2008.



Hình #3: Tượng Phật đã bị chặt đứt đầu (thấy mà buồn quá-theo lời kể của cư dân Terengganu thì một số tín đồ Hồi giáo quá khích đã làm chuyện này), 2008.



Hình #4: Khu Hội Trường Bì Đông đã bị đổ nát tan hoang, 2008.



Hình #5: Những khu Longhouses đã bị hư hại gần hết, 2008.



Hình # 6: Những khu Longhouses đã bị hư hại gần hết, 2008.

VIII

Nói gì thì nói, những kẻ phạm Trần chỉ lấy được phần xi măng phạm tục trên tôn tượng của quý ngài, chứ làm sao họ có thể chạm vào được những phần thiêng liêng nhất của quý ngài, làm sai ai có thể chặt hết được thiên thủ thiên nhãn của quý ngài? Trong khi bên khu nhà thờ, cả nhà thờ Tinh Lành lẫn nhà thờ Công giáo, không còn gì ngoài cây Thánh Giá trên bức tường trắng này đã ngả màu nâu loáng lổ. Nhìn qua thánh Thất Cao Đài, nay chỉ còn trơ lại một cái chòi và một tấm bảng không còn rõ chữ nữa. thấy không có ai quét dọn bên thánh thất Cao Đài nên tôi vội tìm một nhánh cây to, rồi chạy qua đó quơ xuống triền đồi những đồng lá, có lẽ đã phủ kín nơi này từ hơn 15 năm về trước. Sau lễ cầu nguyện trên chùa và nhà thờ là buổi lễ cắt băng Khánh thành đài kỷ niệm, trên bảng có khắc hình đôi bàn tay cầm ngọn đuốc nhô lên khỏi mặt biển, với dòng chữ viết bằng tiếng Anh: In appreciation of the efforts of UNHCR, the Red Cross and Malaysian Red Cresent Society and other world relief organizations, the Malaysian Government and people as well as countries of first asylum and resettlement. We also express our

gratitude to the thousands of individuals who worked hard in helping the Vietnamese refugees—OVERSEAS VIETNAMESE COMMUNITIES 2005...
 Tạm dịch sang Việt ngữ như sau: Tri ân những nỗ lực của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc, của Hội Hồng Thập Tự, và của Hội Hồng Nguyệt Mã Lai, cùng các tổ chức cứu trợ quốc tế khác. Chính phủ và nhân dân Mã Lai cũng như các quốc gia tạm dừng và các quốc gia định cư—CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI 2005. Lễ cắt băng Khánh thành tượng đài do một viên chức đại diện chính phủ Mã Lai ở Terengganu, Hoà Thượng Thích Giác Nhiên và linh mục Anthony Quảng cắt băng. Sau đó một tràng pháo nổ vang, phá tan những âm u ghé rợn của một hoang đảo. Sau lễ Khánh thành tượng đài kỷ niệm, chúng tôi gặp các dì Phước Carole và Joan, hai người đã từng phụ trách khu trường tiểu học tại Bì Đông. Cả hai dì Phước đều rơm rớm nước mắt khi nhìn lại khu trường tiểu học và nói: chúng tôi không ngờ cả khu này hoang phế nhanh đến như vậy, vì mãi đến năm 1990, chúng tôi vẫn còn ở tại đây, nghĩa là mới có 15 năm thôi, mà không ai còn có thể hình dung ra được cảnh cũ nữa. Chúng tôi vừa nói chuyện vừa đi về hướng lên đồi nghĩa trang Bì Đông, gần khu F. Những người trong toán dọn dẹp người Mã Lai thuộc công ty Ping Anchorage đã cật lực phát hoang và dọn đường bằng những gút thắt dây cho chúng tôi leo lên đồi dễ dàng hơn, nhưng chúng tôi cũng khó khăn lắm mới leo lên tới nghĩa trang được. Nhìn lại khu nghĩa trang hoang vắng, nằm trên một hòn đảo đã bỏ hoang từ hơn 15 năm nay, chúng tôi bùi ngùi quá cho những người một thời đồng cảnh nhưng xấu số, nên phải vĩnh viễn nằm lại nơi đây. Nơi đây tôi quá xúc động, không biết phải dùng lời kính tiếng kệ nào đây để cùng quý thầy đưa những đồng bào thân thương xấu số của chúng tôi về nơi siêu thoát, nên tôi chỉ biết mượn lời của Hoà Thượng Giác Nhiên trong bài TÓNG TÁNG GIÁC LINH để nhắc những người bạn xấu số ấy. Về cảnh đời, cho oan hồn uổng tử của các bạn xấu số ấy nếu có lắng nghe chúng tôi, xin hãy nhẹ nhàng siêu thoát, hoặc về cõi Vĩnh Hằng hay Thiên Quốc của Thiên Chúa, hoặc về nơi Tây Phương Cực Lạc của Đức À Di Đà. Hỡi những người đã từng đồng cảnh nhưng xấu số hơn chúng tôi! Đây là những lời kính mà cũng là những lời cầu nguyện hết sức chân thành của chúng tôi. Nguyên cho tất cả các vị được nhẹ nhàng siêu thoát.

Vậy nên đây có đôi lời
 Nhắc người bóng cũ nay thời biệt ly
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Cảnh đời lắm nỗi sầu bi
 Tình ân phụ mẫu nay thì cách xa
 Cảnh đời như bóng phù hoa
 Tình thâm huynh đệ phải xa hội này
 Cảnh đời nào khác chòm mây
 Tình chồng nghĩa vợ hôm nay xa lìa
 Cảnh đời như bọt nước kia

Tình thương cho mấy cũng lìa với nhau
 Cảnh đời như gió thổi mau
 Tình thương con cháu thế sao cũng lìa.
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Cảnh đời như bể dâu kia
 Tình bằng cố hữu cũng chia đôi đường
 Cảnh đời như thể sa sương
 Tình thâm quyến thuộc cũng thường cách nhau
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Cảnh đời như đá mài dao
 Cả hai mòn hết có nào bền lâu
 Cảnh đời như lửa đốt dầu
 Cháy nhau (mau) thì hết có đâu còn hoài
 Cảnh đời nghĩ luống bi ai
 Khác nào hoa nở rồi mai hoa tàn
 Cảnh đời khó nổi thở than
 Khác nào một đám rừng hoang mịt mù.
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Cảnh đời như biển nước xanh

(Như nước quanh Bi Đông, nơi các bạn phải Vĩnh viễn nằm lại đây thôi, các bạn ơi!)

Gió cuốn sóng cuộn mé gành lao xao
 Cảnh đời như giấc chiêm bao
 Như lần điển chớp khác nào tiếng vang
 Cảnh đời như đông tro tàn
 Giống như đã trảng xe cát biển Đông...
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Cảnh đời nhìn kỹ mà xem
 Khi về âm cảnh nào đem món gì?
 Cảnh đời là khối hiệp ly!
 Nay dời, mai dời theo thì thời gian.
 Hồi nào ở chốn đèn vàng
 Bây giờ gởi xác đồng hoang một mình*

(*với những người bạn đồng cảnh ngộ nhưng xấu số của chúng tôi, vì hoàn cảnh mà có thể bỏ xác nơi đồng hoang hay nơi một xó rừng nào đó giữa biên giới Miên-Thái, hay dưới lòng biển Đông hoặc vịnh Thái Lan, hoặc dọc theo các bờ biển từ Cao Miên qua Thái Lan, Mã Lai, Singapore, Indonesia hay Philippines...)

Hồi nào mắt đẹp mây xinh
 Bây giờ như đông thịt sinh mà thôi
 Hồi nào đứng đứng ngồi ngồi

Bây giờ yên lặng như chồi cây khô.
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Hồi nào trang điểm khô ngô
 Bây giờ nhắm mắt mà vô quan tài
 Hồi nào tình bạn bắt tay
 Bây giờ cắt đứt làm hai con đường
 Hồi nào mềm, nệm, gối giường
 Bây giờ dứt bỏ thảm thương vô cùng
 Hồi nào xưng bá xưng hùng
 Bây giờ nhắm mắt mà chui xuống mồ
 Hồi nào lên, xuống, ra, vô
 Bây giờ yên lặng như đồ bất tri
 Hồi nào ứng cử khoa thi
 Bây giờ sao dứt mà đi cho đành
 Hồi nào tham lợi tham danh
 Bây giờ một đám cỏ xanh nấm mồ
 Hồi nào du lịch giang hồ
 Bây giờ ở chốn đồng khô băng ngàn
 Hồi nào trau ngọc chuốt vàng
 Bây giờ một đồng xương tàn rũ da
 Hồi nào múa hát đờn ca
 Bây giờ lia bỏ tách xa xóm làng
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Hồi nào kiệu phụng lầu vàng
 Bây giờ mặt biển sóng tràn nhấp nhô
 Hồi nào anh, chị, chú, cô
 Bây giờ chẳng thấy ra vô bóng hình
 Hồi nào con, vợ của mình
 Bây giờ hai ngã thành linh cách xa
 Hồi nào mẹ mẹ, cha cha
 Bây giờ bóng đã khuất qua xé rồi
 Hồi nào tở, chủ, quân, tôi
 Bây giờ như giọt nước trôi giữa dòng
 Hồi nào bác, thiếu, em, chồng
 Bây giờ cách biệt hết mong được gần
 Hồi nào yếm cựa nghênh tân
 Bây giờ chỉ thấy mộ phần thiết tha
 Oan hồn ơi hỡi oan hồn!
 Cảnh đời bách chiết, thiên ma
 Huỳnh tuyền choán lộ phải qua một lần

Ở trong cảnh thế dương trần
 Dầu cho Vua, Chúa, Quan, Dân, sang hèn
 Hạng nào cũng thế bóng đèn
 Hết tim thì tắt một phen mịt mù
 Dầu cho kẻ trí, người ngu
 Kẻ khôn, người dại hình thù nhỏ to
 Rốt rồi cũng táng một gò
 Của trần để lại chẳng cho đem về
 Có gì trứu mến tham mê
 Đeo theo vật chất nghiệp nghề làm chi
 Thế rồi cũng bỏ mà đi
 Nghĩ ra lắm nỗi sầu bi dập dồn
 Tiếng kêu ơi hỡi oan hồn!
 Cảnh đời nay biến mai còn tỉnh chưa?
 Tỉnh rồi dứt mối say sưa
 Thì là có Phật* rước đưa qua liền!!!

*Với những ai tin Chúa thì là có Chúa rước đưa qua liền.



Hình anh chị em trong đoàn đang lên cầu (chiếc cầu này mới được chính phủ Mã Lai dựng lại, chứ không phải cây cầu Jetty năm xưa.



Hình anh chị em trong đoàn đang lên cầu (chiếc cầu này mới được chính phủ Mã Lai dựng lại, chứ không phải cây cầu Jetty năm xưa.

IX

Lúc này khoảng 3 giờ chiều ngày 21 tháng 3 năm 2005, chúng tôi vẫn tiếp tục cầu nguyện cho những người, đồng cảnh nhưng xấu số hơn chúng tôi, đã vĩnh viễn nằm lại nghĩa trang khu F Bi Đông. Lời cầu nguyện vẫn vang lên đều đều trên hoang đảo: Oan hồn ơi hỡi oan hồn! Xin hãy lắng nghe những lời cầu nguyện chân thành thống thiết của chúng tôi, để nếu không về với Phật thì xin các vị hãy bỏ lại

tất cả mà về với Chúa, với Thượng Đế hay với Allah của các vị ở một nơi không còn khổ đau nhọc nhằn nữa. Các vị có nghe những lời chân thành thống thiết của chúng tôi không hề những oan hồn? Nếu nghe, thì chúng tôi cầu xin Chúa Phật, dù các vị có thác oan, khó mà siêu thoát, nhưng cơ hội này, chư Tăng Ni, các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo và chúng tôi đem ĐỨC CHÚNG NHƯ HẢI vân tập về đây, chỉ với một mục đích duy nhất là cầu siêu cho các vị được siêu thoát. Do vậy, dù thác oan, dù hồi sinh tiền các vị có là bậc hạng nào đi nữa, có tu hay không tu, có phước hay không có phước, chúng tôi cũng xin ân trên cho các vị được siêu thoát, các vị có nghe chúng tôi không hề các vị?

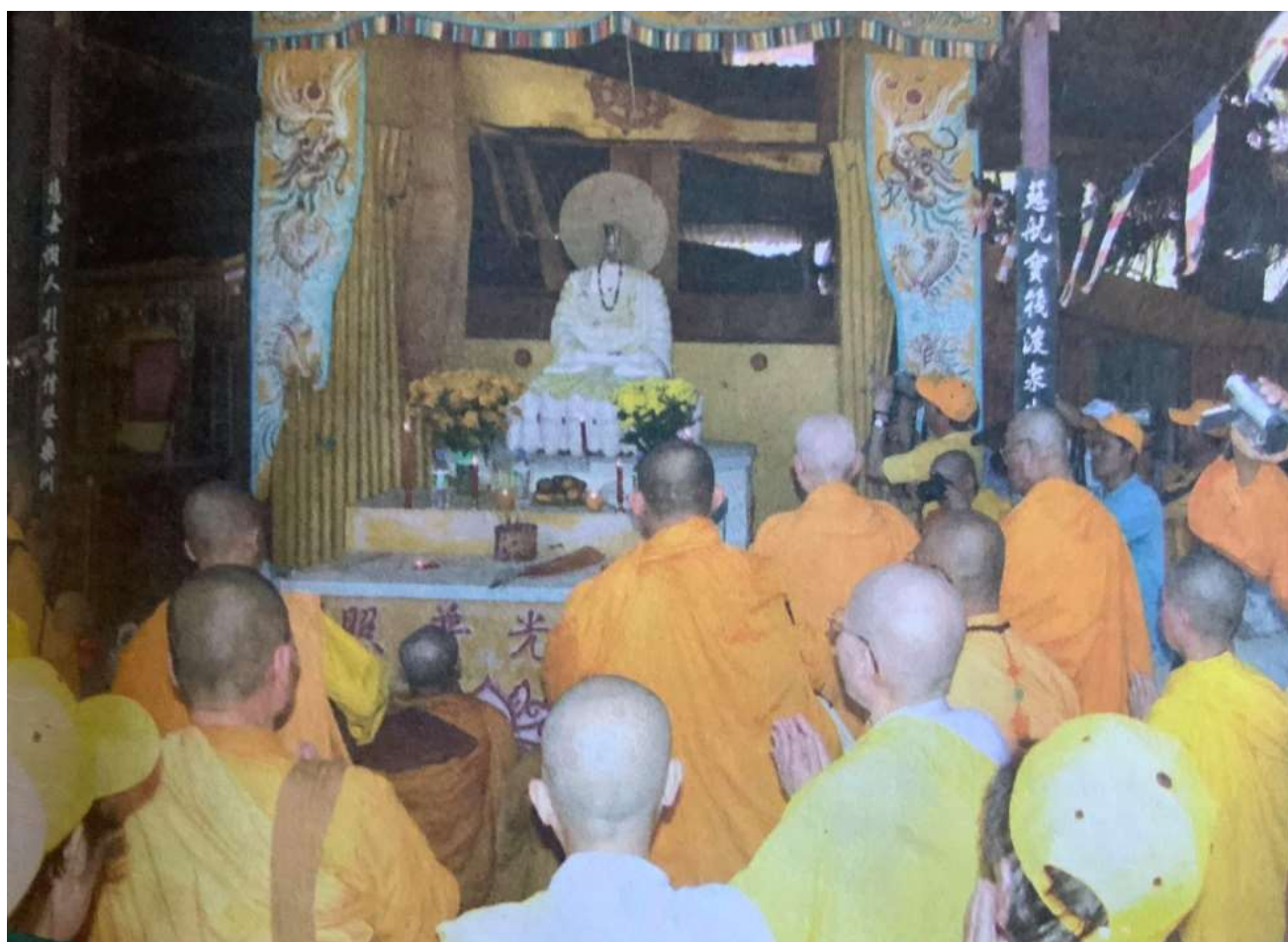
Cho dù đời sống sanh tiền
 Gieo hay không gieo phước trên đời
 Xin ân trên hãy cho người an vui
 Không còn trần trối ngục tù trần lao
 Dứt lìa uổng tử đón đau
 Về nơi Phật quốc* ra vào thành thoi
 Chẳng còn nghĩ đến oan khiêng
 Cõi trần giả tạm vốn thời đổi thay
 Nên mau nhẹ bước qua bờ sông mê
 Khi nào bỏ thế về quê
 Thì là có Phật* dựa kề một bên
 Rước đem về đến cõi trên
 Hưởng điều khoái lạc vững bền dài lâu
 Đôi lời kính chúc mong cầu
 Nhờ ơn chư Phật* rước trâu ồn về
 Khỏi vùng biển khổ sông mê
 Tâm đồ lục đạo, dựa kề hoa sen.

(*Nếu các vị có niềm tin nơi Chúa hay Allah, thì về với Chúa và Allah của các vị).

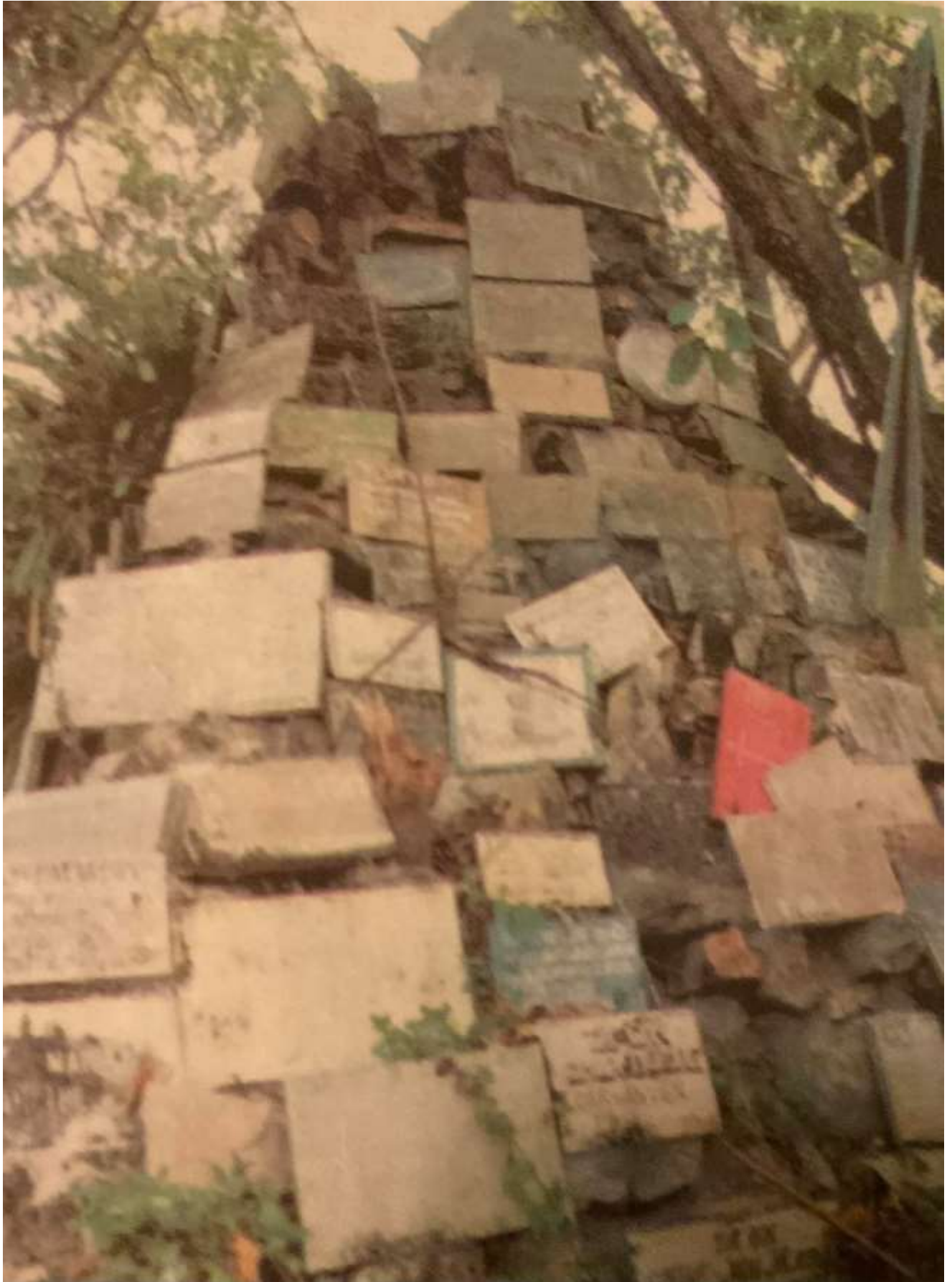
Hỡi những oan hồn uổng tử trên biển Đông và vịnh Thái Lan! Những mong lời cầu nguyện ĐỨC CHÚNG NHƯ HẢI của phái đoàn các tôn giáo hôm nay sẽ đưa các vị về nơi siêu thoát vĩnh hằng. Mong lắm!!! Trời biển đã bắt đầu sụp tối, nhưng không một ai trong chúng tôi muốn rời đảo, tội nghiệp quá cho anh bạn Quốc Việt (Úc), dù cũng lưu luyến như chúng tôi, nhưng vẫn phải phát loa hối thúc mọi người sớm lên tàu để trở về Terengganu cho kịp giờ khoản đãi của các viên chức trong Chánh quyền bang Terengganu.

Trước 7 giờ tối đêm 21 tháng 3 năm 2005, chúng tôi trở về khách sạn Sutra Beach và được chính quyền tiểu bang Terengganu khoản đãi một bữa ăn rất thịnh soạn vào lúc 8:30 tối, nhưng hầu như không ai trong chúng tôi có hứng thú trong việc ăn uống cao lương mỹ vị trong suốt chuyến đi này. Tuy nhiên, dù sao đi nữa, đây cũng là tấm thanh tình của Chánh phủ và nhân dân Mã Lai. Vì thế mà khi được ký giả K. Suthakar của Nhật báo Star của bang Terengganu phỏng vấn, tôi đã nói

lên hết những cảm xúc của mình: Như các anh đã biết, sau những ngày tạm dung tại đây, chúng tôi được nhân dân và đất nước Hoa Kỳ cho phép định cư, sau những năm tháng ổn định, chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được để đóng góp một phần công sức của mình nhằm đền đáp lại phần nào ân sâu nghĩa nặng của đất nước và nhân dân đã cho chúng tôi định cư. Bây giờ chúng tôi trở về đây, trước hết là để cùng nhau cầu nguyện cho những người đồng cảnh nhưng xấu số, đã bỏ mạng trên đường vượt biển. Kế đó, là chúng tôi muốn tỏ lòng biết ơn đối với chính phủ và nhân dân Mã Lai, đã mở rộng vòng tay dung chứa và giúp đỡ chúng tôi trong khoảng thời gian khốn khó nhất của chúng tôi. Vì vậy đối với tôi, nơi đây là điểm khởi đầu của một cuộc sống mới.



Hình#1: Chư Tăng Ni và Phật tử đang tụng kinh cầu siêu với bức tượng Phật đã bị đập phá mất đầu.



Hình#2: Những tấm bảng nhỏ tưởng niệm ghi tên số tàu
và tên những người đồng cảnh nhưng xấu số.

X

Sáng ngày 22 tháng 3 năm 2005, chúng tôi rời Sutra Beach Hotel để đi thăm viếng các nghĩa trang trên đất liền ở bang Terengganu. Trước khi đi thì Hoà Thượng Giác Nhiên có đề nghị linh mục Quảng nên làm một buổi cầu nguyện ngắn trong sân khách sạn Sutra Beach. Ngay trong buổi lễ này, linh mục Quảng đã thân mật giới thiệu với mọi người linh mục nhận di Diệu Đức, một Phật tử thuần thành sinh sống ở Los Angeles bên Mỹ, làm mẹ nuôi, trong một bầu không khí hết sức cảm động.

Có một cái gì thật lạ đối với tôi. Mới vừa rồi chúng tôi cùng Hoà Thượng Giác Nhiên ra khơi cầu nguyện và xướng danh những người đã khuất ngay trên biển, trong đó có hai người em bà con chú bác với nhà tôi, thì ngày hôm sau không biết có gì xui khiến, khi đoàn ghé lại nghĩa trang Phước Kiến, mọi người đều tề tựu tại ngôi mộ tập thể (có khoảng 145 hay 150 người gì đó), riêng tôi lòng cảm thấy chùng xuống nên một mình đi thẳng vào bên trong nghĩa trang, bất chợt tôi dừng lại, rồi nhìn xuống hai tấm bia thật nhỏ với dòng chữ cũng thật nhỏ ghi họ Quách, nhưng khi đọc tên thì khác. Tôi liền chạy đến hỏi ông Wang (ông Wang là một đại ân nhân của những thuyền nhân xấu số Việt Nam, ông là người Phước Kiến, chủ tịch Hội Thương Gia Hoa Kiều ở Terengganu, nhưng rất có lòng với những thuyền nhân xấu số, chính ông đã tự mình khởi xướng và phụ trách việc đi tìm xác thuyền nhân trôi dạt trên biển, hoặc tấp vào bờ để lo việc chôn cất họ). Ông Wang cho biết, đó là hai xác của hai thanh niên, chết đã lâu ngày, nên giấy tờ bỏ trong bọc ni lông cũng đã rửa nát, chứ không còn rõ nét nữa. Tôi nói: Nhưng tên trên bia mộ hoàn toàn khác với tên của người bà con của tôi. Ông Wang tâm sự: Thú thật, nhiều khi tôi không đọc được chữ Việt nên những tên mà tôi ghi có khi cũng sai, huống là giấy tờ của 2 cậu thanh niên này không còn đọc được nữa. Tôi không hy vọng đây là mộ của hai người bà con, nhưng tôi vẫn lấy trong túi ra 200 Mỹ kim trao cho ông Wang và xin ông tiếp tục bảo quản cũng như thỉnh thoảng tới thăm viếng các ngôi mộ ở đây cho đỡ tủi vong linh người đã chết trong trạng huống hãi hùng nhất. Sau khi viếng thăm và cầu nguyện ở các nghĩa trang, chúng tôi đến Kuantan và ăn trưa tại đây. Được biết trước đây Kuantan cũng từng có trại tỵ nạn trong đất liền, nhưng bây giờ không còn dấu tích gì nữa. Người hướng dẫn viên Mã Lai chỉ cho chúng tôi biết khoảng nào trại tỵ nạn tọa lạc trong rừng Kuantan. Theo chương trình thì chúng tôi sẽ đi Kuala Lumpur, nhưng vì không kịp giờ nên chuyển đi Kuala Lumpur bị huỷ bỏ. Sau khi ăn trưa, chúng tôi tiếp tục xuôi về hướng Nam Mã Lai về hướng Melaka. Khoảng 9 giờ tối chúng tôi đến Melaka. Đây là thành

phố cảng nổi tiếng của Mã Lai nằm bên bờ Ấn Độ Dương, tuy nhiên, thành phố này không bị ảnh hưởng bởi vụ sóng thần vào tháng 12 vừa qua, vì nó được toàn đảo Sumatra bao bọc bên ngoài. Chúng tôi nghỉ đêm tại đây, sáng hôm sau chúng tôi lên đường thăm viếng một vài thắng cảnh ở Melaka, bao gồm ngọn đồi rất đẹp ở đây. Sau đó chúng tôi lên đường trở về Singapore và ăn tối ở Jahor. Chúng tôi về đến khách sạn 81 Bencoolen thì đã quá khuya, khoảng 11 giờ đêm, nên ai cũng vội vã lấy phòng và nhận đồ, rồi lên phòng tắm rửa, nghỉ ngơi để chuẩn bị cho chuyến đi Indonesia vào ngày hôm sau.



Hình#1: Hoà Thượng Giác Nhiên đang vẫy tay những vị từ Bi Đông về Terengganu, phải chuyển sang tàu nhỏ ngay cửa sông để đi vào bờ vì sợ bị mắc cạn.



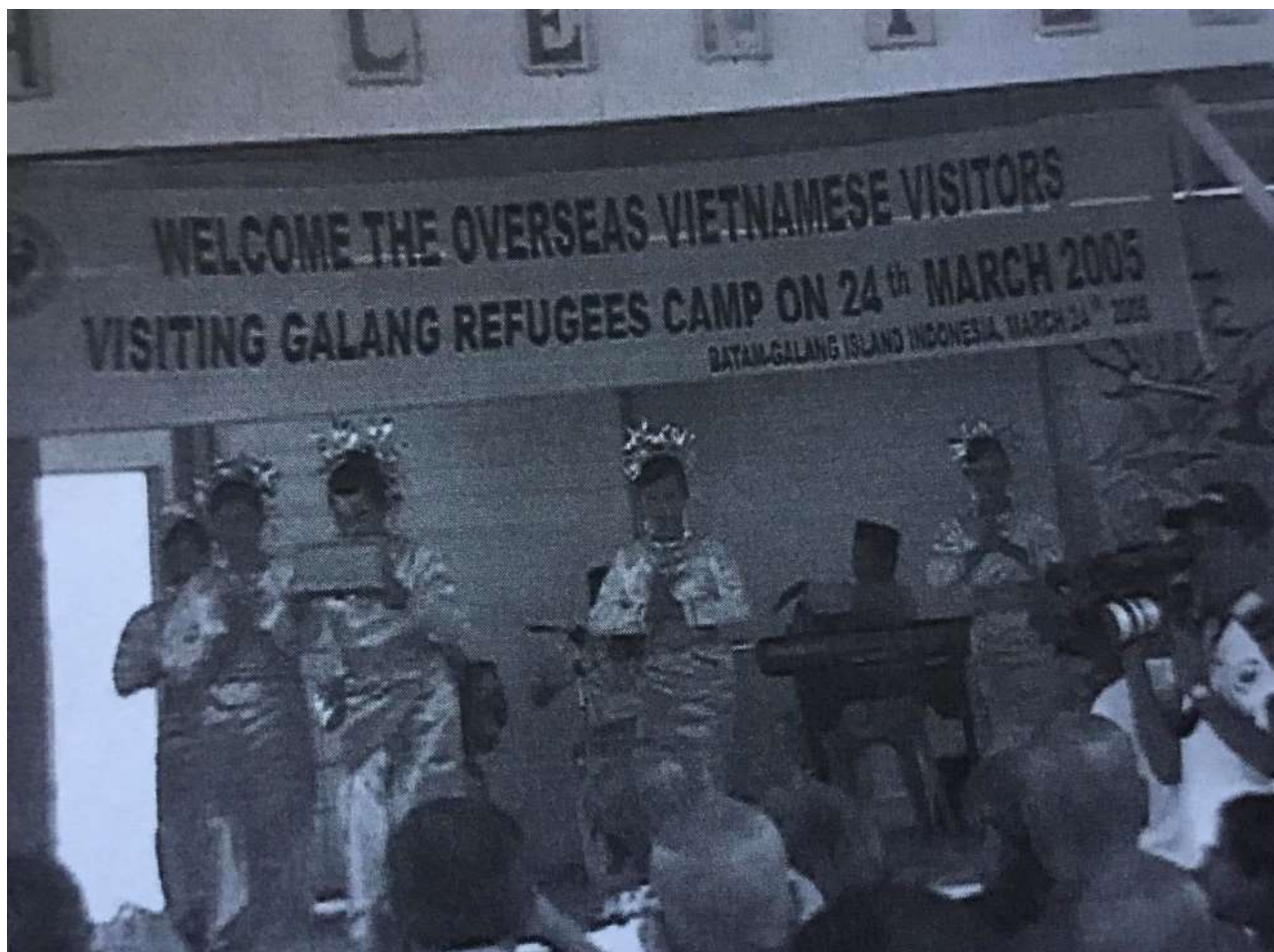
Hình#2: Buổi lễ Khánh thành bia tưởng niệm
các thuyền nhân đã hy sinh trên đường vượt biển.

XI

Sáng sớm ngày 24 tháng 3 năm 2005, chúng tôi khởi hành đi Indonesia thật sớm. Từ khách sạn 81 Bencoolen, chúng tôi đi khoảng 15 phút bằng xe buýt ra bến tàu Singapore đi Batam-Galang. Sau đó chúng tôi đi tàu đến Batam, mất khoảng 45 phút. Lên Batam, chúng tôi đi bằng xe buýt trên một giờ đồng hồ nữa mới đến Galang I và Galang II. Chúng tôi đến Galang khoảng 10:30 sáng, nhưng thời tiết xích đạo vô cùng nóng nực, mồ hôi của tôi cũng ra như tắm. Tại Galang, ngoại trừ mười vị được tặng vòng hoa, còn lại hầu như ai trong phái đoàn cũng được tặng một cành hoa tươi. Đây là cuộc tiếp đón hết sức long trọng, có đại diện chính quyền và dân chúng địa phương ra tiếp rước. Sau khi làm lễ chào đón xong, chúng tôi được chính quyền khoản đãi một bữa ăn trưa tại Youth Center. Buổi chiều chúng tôi thăm viếng và cầu siêu tại chùa Kỳ Viên trong nghĩa trang Galang. Đa phần mồ mã trong nghĩa trang đều được xây đắp bằng xi măng, có lẽ do gia đình xây, nên nghĩa trang không có vẻ ảm đạm thể lương như bên bang Terengganu bên Mã Lai. Sau đó chúng tôi đến dự lễ Khánh thành BIA LƯU NIỆM. Nội dung và hình thức của bia lưu niệm bên Galang cũng giống như bên Bi Đông. Sau đó chúng tôi đến thăm chùa Quán Âm. Quán Âm Tự có lẽ là ngôi chùa lớn nhất ở Galang. Sau đó chúng tôi lên lại xe buýt về Batam và ăn cơm tối tại một nhà hàng nằm sát bờ biển, do chính quyền Indonesia khoản đãi. Trong buổi ăn tối đó, có đại diện của chính quyền trung ương Jakarta đến dự, nhưng không ở lại lâu vì họ phải trở về Jakarta trước khi buổi tiệc bắt đầu. Sau buổi tiệc này chúng tôi trở về Singapore để chuẩn bị cho chuyến bay đường dài trở về lại Hoa Kỳ.



H#1: Quang cảnh tại Galang I



H#2: Chính quyền tại Batam-Galang chào đón chúng tôi trong thành phố Batam, Indonesia.

XII

Khi tôi viết bài này vào tháng 3 năm 2005, tính ra đã 30 năm trôi qua kể từ ngày đầu các trại ty nạn nhận thuyền nhân Việt Nam, và trại cuối cùng đóng cửa cũng đã hơn 10 năm, nhưng đối với thuyền nhân Việt Nam chúng tôi, núi rừng Thái Miên, cũng như biển Đông và vịnh Thái Lan vẫn còn là một nỗi kinh hoàng chưa dứt, tuy nhiên, cũng chính những nơi ấy đã giúp hồi sinh một nửa số thuyền nhân chúng tôi. Biển Đông và vịnh Thái Lan vừa là nơi chôn vùi không biết bao nhiêu thân xác những người anh em đồng cảnh xấu số của chúng tôi, nhưng chính biển Đông và vịnh Thái Lan cũng lại là lộ trình dẫn đến cuộc sống tự do cho những người may mắn như chúng tôi. Ngày trước mỗi lần có người rời đảo, nghe Khánh Ly hát bài “Biển Nhớ... Giờ này còn gần nhau...” và Thái Thanh hát bài Nghìn Trùng Xa Cách... Nghìn trùng xa cách, người đã đi rồi...” để chia tay, không ai trong chúng tôi có đủ can đảm ngoái nhìn lại đảo, và không ai trong chúng tôi có ý nghĩ là một

ngày nào đó chúng tôi sẽ trở về viếng đảo, nhưng hôm nay chúng tôi đã trở về viếng đảo rồi đây nè! Hôm nay, chư tôn giáo phẩm, một số các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, và rất nhiều anh em chúng tôi đã cùng nhau trở lại Bi Đông và Galang, chúng tôi về đây không thuần chỉ để viếng thăm, mà chúng tôi muốn làm một cái gì đó để đáp lại **ÂN NGƯỜI NÀM XUỐNG**. Chúng tôi, những cựu thuyền nhân từ khắp năm châu bốn bể, từ bốn phương trời, từ Anh, từ Canada, từ Pháp, từ Mỹ, từ Thụy Điển, và từ Úc Châu... về đây để cầu nguyện cho những người đồng cảnh ngộ nhưng xấu số hơn chúng tôi, vì cơ trời, vận nước, và họa người đã biến thành những oan hồn uổng tử lang thang vất vưởng trên biển Đông, vịnh Thái Lan, hay nơi rừng sâu núi thẳm giữa biên giới Miên Thái. Nay chúng tôi tề tựu về đây để cầu nguyện cho oan hồn uổng tử của các vị ấy sớm được nhẹ nhàng siêu thoát. Với chúng tôi, cho dù con nước Merang có ròng hay có lớn, dầu con nước Merang có bị ảnh hưởng cơn sóng thần hồi tháng 12 năm 2004 mà không chịu dâng lên, chúng tôi vẫn đợi cho đến khi có đủ nước cho thuyền ra cửa biển để đi đến Bi Đông cho bằng được. Ông Trần Đông, người giúp Hoà Thượng Giác Nhiên trong việc trực tiếp liên lạc và phối hợp với các cơ quan chính quyền Mã Lai và Indonesia về việc trở về Bi Đông và Galang, đã đặt tên cho chuyến đi này là **TRỞ VỀ THĂM LẠI BẾN BỜ TỰ DO BI ĐÔNG VÀ GALANG**, nhưng theo tôi, chúng ta phải thêm vào những dòng chữ sau đây nữa thì mới gọi là trọn ý: **ĐỂ ĐÁP ÂN NGƯỜI NÀM XUỐNG & ĐỂ CẦU SIÊU CHO HỌ ĐƯỢC NHẸ NHÀNG SIÊU THOÁT**. Phải nói hơi đông dài như vậy thì chuyến trở về lần này của chúng ta mới thật sự có ý nghĩa, và những oan hồn uổng tử của những người một thời đồng cảnh ngộ nhưng xấu số của chúng ta mới ngậm cười siêu thoát. Nói gì thì nói, ai trong chúng ta cũng phải thừa nhận rằng cuộc ra đi năm ấy đã hoàn toàn thay đổi chúng ta, sau những tang điền thương hải ấy, suốt phần đời còn lại của chúng ta, cho dù chúng ta có đang thành công như thế nào đi nữa, sẽ không bao giờ những ký ức ấy tan biến, sẽ không bao giờ chúng ta có được một niềm vui gọi là trọn vẹn, lúc nào những hình ảnh của những phụ nữ và trẻ em bị hải tặc hãm hiếp cho đến chết rồi xác bị vớt xuống biển, hoặc giả nếu còn sống thì họ cũng bị quăng sang tàu của bọn hải tặc khát máu dã man rồi bị mang đi biệt tích. Rồi những hình ảnh đói khát, toàn thân sinh sộp lên như một cây ma vì nắng gió biển, hình ảnh những người còn sống đang nằm mê man hấp hối trên tàu. Hình ảnh bà cụ tàu MB 474 (MB477?) với hoàn cảnh vô cùng thương tâm khi tận mắt chứng kiến cảnh con dâu mang bầu 7 tháng bị hải tặc Thái hãm hiếp cho tới chết, cảnh con trai chống cự lại hải tặc để bảo vệ vợ mình bị hải tặc đập đầu đến chết, cảnh đàn bà con gái trên tàu bị hải tặc cưỡng hiếp và tất cả đàn ông đều bị chúng giết chết hết, số đàn bà còn lại bị chúng bắt đi, rồi chúng lại quay mũi tàu của chúng đâm thẳng vào con tàu vượt biển mong manh để phi tang, nhưng trời bất dung gian buột chúng phải bỏ chạy khi tàu tuần Mã Lai kịp đến trong lúc bà cụ đang vòng tay ôm choàng lấy mười mấy đứa con nít còn sống sót. Lúc này vì bà cụ không biết con tàu Mã Lai

đến để cứu mình mà tưởng là tàu hải tặc nên bà là lớn: chúng tôi không còn gì nữa để mà cướp, hãy giết chết hết mấy bà cháu chúng tôi đi! Sau khi được vớt lên đảo Bi Đông, Cao Ủy Ty Nạn LHQ đã ưu tiên cho bà cụ và mười mấy đứa trẻ được đi định cư tại Mỹ ngay sau đó. Còn nữa, còn nhiều lắm những hình ảnh thương tâm khác của những con người Việt Nam khốn khổ chỉ vì họ muốn đi tìm cuộc sống tự do. Và suốt đời chúng ta phải luôn nặng ân nặng nghĩa chẳng những với những quốc gia đã cho chúng ta tạm dừng tại Đông Nam Á, với Cao Ủy Ty Nạn LHQ, với những con tàu tình thương như tàu Cape Amour... đã lắng nghe được tiếng kêu vang dội từ trên biển nên đã ra khơi, đem tình thương cứu vớt biết bao đồng bào đang hấp hối trên biển cả mênh mông, chẳng những chúng ta phải biết ơn với những quốc gia đã cho chúng ta định cư, mà chúng ta còn phải luôn nghĩ đến những người đồng cảnh xấu số đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển hay bất cứ nơi nào đó trong rừng sâu núi thẳm... Vì thế mà chuyến trở về lại Bi Đông-Galang lần này của chúng tôi mang đầy đủ tinh thần và ý nghĩa trên. Chúng tôi về đây để được một lần, ít nhất là một lần trong đời ĐÁP ÂN ĐÁP NGHĨA NGƯỜI NẦM XUỐNG, hay ít nhất là một lần thấp lên một nén hương để tưởng niệm những oan hồn uổng tử của các thuyền nhân xấu số đã chìm sâu thân xác trong lòng biển lạnh năm xưa. Chúng tôi về đây để được một lần cầu siêu cho các vong linh bất hạnh khốn khổ một thời sớm được siêu thoát, sớm được yên nghỉ. Với chúng tôi, những thuyền nhân may mắn đến được bến bờ tự do, chúng tôi nợ những người bạn xấu số ấy một món nợ tinh thần không trả được, chúng tôi nợ họ vì họ đã một thời đem chính máu xương mình lót đường cho người khác đến được bến bờ tự do. Với chúng tôi, họ là những vinh linh bất khuất và can trường, chính vì sự hy sinh của họ đã đánh động lương tâm thế giới, chính vì sự hy sinh của họ mà cộng đồng thế giới mới để ý và lo lắng hơn cho những người còn sống sót. Với chúng tôi, những người xấu số đã vĩnh viễn nằm xuống ấy đáng được vinh danh, đáng được đời đời ghi vào trang sử bất khuất của nhân dân Việt Nam, cũng như trang sử đi tìm tự do của toàn thế giới.

In commemoration of the hundreds of thousands of Vietnamese people who perished on the way to Freedom (1975-1996).

Though they died of hunger or thirst, of being raped, of exhaustion or of any other cause, we pray that they may now enjoy lasting peace.

Their sacrifice will never be forgotten.

OVERSEAS VIETNAMESE COMMUNITIES, 2005



Bia tưởng niệm những thuyền nhân đã hy sinh trên đường vượt biển.

XIII

Chính vì thế mà hôm nay chúng tôi, những thuyền nhân may mắn, đã đến được bến bờ tự do, trở về đây với lòng thành khẩn cầu xin ơn trên phù trợ những oan hồn uổng tử của những thuyền nhân xấu số đã vùi thây trong lòng biển Đông, trong vịnh Thái Lan, hay trong rừng sâu núi thẳm nào đó... sớm được siêu thoát. Thời ấy cả chúng tôi lẫn những người đồng cảnh xấu số chỉ mong sao vượt thoát ra khỏi một thế giới không có tình người, một thế giới với quá nhiều hận thù và phân biệt, và không có tình thương đồng chủng, một thế giới chìm đắm trong bóng tối u mê với quá nhiều đau khổ... chúng tôi phải vượt qua tử lộ để tìm kiếm sanh lộ. Chỉ vì hai chữ tự do mà chúng tôi đã phải trả một cái giá quá đắt, theo Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ thì trên hai triệu người ra đi, chỉ khoảng chừng một nửa đến được bến bờ tự do.

Sau bao nhiêu năm vật vã nơi xứ người, ai trong chúng ta cũng đều muốn quên đi để tiếp tục sống, ai trong chúng ta cũng đều muốn xếp lại trang Nhật ký đau buồn của đời mình chứ không muốn khơi lại những nhức nhối đau thương, nhưng không thể được, chúng tôi quyết phải trở về đây để được một lần: ĐÁP ÂN NGƯỜI NẪM XUỐNG, một lần nói lên cho mọi người biết rằng cho dù ở tận chân trời góc bể nào của địa cầu này, chúng tôi sẽ không bao giờ quên những người một thời đồng cảnh nhưng xấu số hơn chúng tôi nên đã vĩnh viễn nằm lại một nơi nào đó trong lòng biển lạnh, hay một góc rừng hoang vu, hay một bờ biển xa mờ, hay bất cứ nơi đâu... Ôi tang thương làm sao cho những thuyền nhân Việt Nam xấu số! Trên những chuyến hải hành tang tóc năm xưa, biết bao nhiêu người đã vĩnh viễn nằm xuống. Ôi sinh mạng con người sao mong manh quá! Gần một triệu đồng bào thân yêu của chúng ta đã chết trên đường tìm tự do, họ chết bằng đủ cách đủ kiểu, họ chết vì nghiệp hay vì oan uổng, chết phơi xác trong rừng sâu núi thẳm, chết âm thầm trên hoang đảo, hay chết hải hùng trên biển Đông, trên vịnh Thái Lan, hay ngay trên những sông rạch thân yêu của đất nước, chết vì bệnh, chết vì hải tặc man rợ hay chết vì bọn tham vàng tham của... nhưng không có cái chết nào được gọi là tự nhiên cả, tất cả đều là uổng tử, tất cả đều là oan khiên. Ôi! Chỉ vì hai chữ tự do cho cuộc sống mà trang sử của thuyền nhân tỵ nạn phải được viết lên bằng nước mắt, bằng máu và bằng chính sinh mạng của hàng triệu con dân Việt Nam. Xin những ai đã một thời là thuyền nhân hôm xưa, đang sống yên lành trên vùng đất tự do hôm nay, xin hãy cùng chúng tôi góp phần cầu nguyện cho những oan hồn uổng tử của những thuyền nhân xấu số năm xưa đang vất vưởng trong lòng vịnh Thái Lan hay bất cứ nơi nào trong vùng Đông Nam Á được siêu thoát.

Xin những người Việt Nam đang ở trong hay ở ngoài nước hãy thương yêu nhau hơn để sự hy sinh của vạn triệu thuyền nhân năm xưa không trở thành vô nghĩa.

XIV

Xin những thế hệ thuyền nhân đầu tiên hãy cố gắng bắt nối nhịp cầu cho các thế hệ kế tiếp, hãy chia sẻ với các thế hệ sau những thống khổ nhục nhằn mà thế hệ cha anh họ đã phải kinh qua, để cho mấy em thấy được cái giá Cura cuộc sống tự do mà các em đang hưởng một cách tự nhiên ấy, cha anh của các em đã phải trả bằng một cái giá thật đắt, bằng vô vàn đớn đau khổ nhục. Chúng ta phải cố gắng cho con em chúng ta biết rằng lắm khi căn nhà mà các em đang ở, giáo dục mà các em đang có, hay bất cứ thứ tiện nghi nào mà các em đang hưởng... đã được dựng lên từ những hoang tàn đổ nát của những thảm kịch trên biển hay trong một vùng rừng núi nào đó mà thế hệ cha anh của các em đã phải gánh chịu trong các cuộc vượt thoát. Chúng ta phải cho con em chúng ta biết vì sao cha anh họ phải vượt thoát trong những hoàn cảnh hết sức nghiệt ngã, trong những chiếc ghe, những chiếc thuyền chen chúc người là người, phải ra khơi trong cơn bão biển, phải đương đầu với những tên cướp biển man rợ nhất của thế kỷ, phải lênh đênh trên biển cả trong nhiều ngày không có nước uống, không có thức ăn, nên lắm khi phải lấy cái chết của người này làm cái sống cho người kia, lắm khi vài trăm người đi nhưng chỉ có khoảng vài người đến được miền đất tự do.

Chúng ta phải bằng mọi cách nhắc nhở con em chúng ta rằng cái giá của cuộc sống tự do và hạnh phúc mà các em đang có phải được trả thật đắt, phải trả bằng một cái giá mà chưa từng có một cộng đồng tự nạn nào trên thế giới phải trả: nước mắt, máu và sinh mạng của chính cha anh họ trên đường vượt thoát tìm cuộc sống tự do. Chính do cái giá mà cha anh họ và những thuyền nhân đã hy sinh đó đã đánh động lương tâm nhân loại trên toàn thế giới, đã làm chấn động toàn cầu trong một thời gian gần một phần tư thế kỷ, từ năm 1975 đến 1996. Thế hệ thuyền nhân thứ nhất chúng ta phải nên luôn nhớ nhiệm vụ của mình không đơn thuần chỉ là giáo huấn và dìu dắt các em nỗ lực học hành cho thành đạt và thu nhập tất cả những tinh hoa của xứ người để một mai có thể mang về giúp ích cho xứ sở, bên cạnh đó, quý vị còn phải có trách nhiệm truyền thụ cho con cháu chúng ta biết được cội nguồn của dân tộc, biết được lịch sử hào hùng của một dân tộc bất khuất với gần năm ngàn năm văn hiến, và gần đây nhất là lịch sử vượt biển bất khuất của cha ông mình, thà chết trong rừng thẳm biển sâu, chứ không cam làm nô lệ dưới bất cứ hình thức nào. Chúng ta phải luôn nhắc nhở cho các em biết rằng các em chính là hậu duệ của những thuyền nhân còn sống sót năm xưa, không lẽ cha anh họ đã băng ngàn vượt biển với vô vàn khó khăn nguy hiểm và nhục nhằn chỉ để cho con cháu qua đây được ăn được ngủ, được hưởng thụ rồi chết đi một cách tầm thường.

Không, chúng ta phải nói rõ cho các em biết rằng những người sống sót trên biển Đông năm xưa và con cháu của họ phải luôn nhớ ÂN NGƯỜI NÀM XUỐNG của những thuyền nhân xấu số, phải biết tri ân những quốc gia và dân tộc đã cho phép chúng ta tạm dung, phải biết tri ân Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ và những cá nhân hay tổ chức từ thiện đã từng làm việc trong các trại tỵ nạn, và cuối cùng các em phải biết tri ân những quốc gia đã cho phép cha anh của các em định cư để tái tạo cuộc sống trong Tự Do và Hạnh Phúc. Có thể ngày chúng ta rời bỏ đất nước ra đi con cái chúng ta hãy còn quá nhỏ, các em không thể nào biết được sự ra đi của chúng ta như thế nào, hay vì sao mà chúng ta phải ra đi, thì giờ đây là lúc chúng ta hãy cố gắng bằng mọi cách trao cho các em sự hiểu biết về lịch sử bất khuất của thuyền nhân Việt Nam, sự ngã gục hy sinh của hàng triệu người trên biển Đông và vịnh Thái Lan, cũng như sự can trường của người cha, sức chịu đựng của người mẹ, sự đùm bọc che chở của người anh và lòng thương yêu của người chị... để các em lấy đó làm hành trang tinh thần vào đời và sống cho thật xứng đáng là một con người, và cũng để cho các em hiểu rõ và trân quý những gì mà các em đang có tại xứ sở tự do này.

XV

Trưa ngày 25 tháng 3 năm 2005, phái đoàn do Hoà Thượng Thích Giác Nhiên hướng dẫn rời Singapore để lên đường trở về Mỹ với tâm trạng vui buồn lẫn lộn. Vui vì Hoà Thượng và chúng tôi đã làm được một việc hết sức có ý nghĩa để đáp lại ÂN NGƯỜI NÀM XUỐNG lót đường cho cuộc sống tự do mà toàn thể cộng đồng Việt Nam hải ngoại chúng ta đang có, buồn vì chính mắt mình nhìn thấy những nắm mồ tập thể của những thuyền nhân xấu số nằm rải rác khắp bờ biển Mã Lai từ Terengganu đến Kuantan. Mong rằng trong tương lai cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại sẽ có những chương trình thăm viếng và chăm sóc những nắm mồ hoang lạnh ấy để phần nào đỡ tủi hổ vong linh những người xấu số. Một lần nữa, toàn thể anh chị em cựu thuyền nhân tham dự chuyến đi lần này, ngoài chuyện đáp tạ ân người nằm xuống và tri ơn Chánh phủ và nhân dân các quốc gia trong vùng Đông Á và Đông Nam Á như Hồng Kông, Đại Hàn, Đài Loan, Phi Luật Tân, Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba và Nam Dương, chúng tôi cũng vô cùng cảm ơn Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ và những cá nhân cũng như tổ chức từ thiện đã giúp đỡ thuyền nhân chúng tôi trong suốt gần một phần tư thế kỷ, chúng tôi cũng xin tri ân các quốc gia đã cho phép chúng tôi được định cư để có một cuộc sống thật sự tự do và hạnh phúc từ Anh, Áo, Bỉ, Đan Mạch, Gia Nã Đại, Hoà Lan, Hy Lạp, Israel, Mỹ, Na Uy, Pháp, Thụy Điển, Úc, Ý... Không có lòng Nhon ái của Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ, của các quốc gia và dân tộc vừa kể trên, cũng như các cá nhân và tổ chức từ thiện nói trên, chắc chắn cái giá tự do mà chúng tôi phải trả sẽ phải đắt hơn về cả nước mắt

lẫn máu và sinh mạng. Một lần nữa, chúng tôi trở về đây những mong đáp lại ÂN NGƯỜI NẪM XUỐNG, những người đã lấy chính sinh mạng của mình ra để lót đường cho cuộc sống tự do và hạnh phúc cho những người đồng cảnh: Sự hy sinh ấy sẽ đời đời được chúng tôi và hậu duệ của chúng tôi ghi nhớ. Sự hy sinh ấy sẽ mãi mãi được ghi vào những trang sử bất khuất của thuyền nhân Việt Nam và của cả thế giới. Chúng tôi cũng thật vô cùng biết ơn Hoà Thượng Thích Giác Nhiên, các anh Trần Đông và anh Quốc Việt đã cố gắng hết sức mình giúp tổ chức cho chuyến đi được hoàn mãn, đặc biệt là Hoà Thượng Thích Giác Nhiên, ngài đã không quản ngại bỏ ra công sức và tiền bạc lo cho chuyến đi từ những ngày đầu mới hoạch định cho đến khi chuyến đi được hoàn mãn. Một lần nữa, xin được cảm ơn các ngài!!!

Chuyển thành phiên bản PDF bởi TVHS 30/3/2022